

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 19/2024/KDTM-ST

Ngày: 27-9-2024

*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dư Văn Thanh.

Ông Đào Khel .

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-KDTM ngày 05/7/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 511/2024/QĐXXST-KDTM ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV X.

Địa chỉ: ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Từ Minh N, sinh năm 2001 – nhân viên Công ty TNHH MTV X là người đại diện theo uỷ quyền theo giấy uỷ quyền ngày 27/9/2024.

Địa chỉ: A, ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV T Công trình Thơ Huy Hoàng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Yến N1 - Giám đốc.

Địa chỉ: Số C, B, khóm F, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 11 tháng 6 năm 2024 của nguyên đơn Công ty TNHH MTV X, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/10/2023, Công ty TNHH MTV X (sau đây gọi là Công ty X) với Công ty TNHH MTV T (sau đây gọi là Công ty T) có ký hợp đồng số 01/HĐNT/2023. Theo nội dung hợp đồng Công ty X bán cho Công ty T Huy Hoàng các mặt hàng gồm xăng, dầu, nhớt, với hạn mức công nợ là 100.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty X đã bán xăng, dầu cho Công ty T nhiều lần với tổng số tiền 364.354.283 đồng, Công ty T đã thanh toán được số tiền 172.141.683 đồng. Đến cuối tháng 11/2023, khi mức công nợ đến 100.000.000 đồng thì Công ty X có nhắc nợ, nhưng đại diện Công ty T xin cho tiếp tục mua hàng rồi sau đó sẽ thanh toán dứt điểm. Đến cuối tháng 12/2023, khi công nợ lên tới 192.212.600 đồng thì Công ty T ngưng mua hàng và không thanh toán tiền hàng cho đến nay. Đến ngày 26/3/2024, Công ty X và Công ty T làm biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ với số tiền là 192.212.600 đồng. Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ lập ngày 26/3/2024 là do Công ty T tự lập và chụp hình gửi cho Công ty X. Sau đó phía Công ty X đã nhiều lần yêu cầu Công ty T Huy Hoàng cung cấp bản chính nhưng phía Công ty T không cung cấp. Do đó phía Công ty TNHH MTV X không có bản chính biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ lập ngày 26/3/2024 để cung cấp cho Tòa án được.

Những vấn đề cụ thể Công ty X yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu Công ty TNHH MTV T Công trình Thơ Huy Hoàng trả nợ tiền mua hàng cho Công ty X với số tiền là 192.212.600 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 26/3/2024 đến khi thanh toán xong tất cả công nợ với mức lãi suất 10%/năm. Tạm tính đến ngày 11/6/2024 là 4.107.577 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 196.320.177 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty T trả nợ tiền mua hàng cho Công ty X với số tiền là 192.212.600 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn Công ty T, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho Công ty T nhưng Công ty T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và thẩm tra công khai tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

. NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty X khởi kiện yêu cầu Công ty T, có địa chỉ số C, B, Khóm F, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thanh toán số tiền nợ mua hàng là 196.320.177 đồng. Xét thấy, Công ty X và Công ty T đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Cũng tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể theo đơn khởi kiện Công ty X yêu cầu Công ty T trả số tiền vốn và lãi là

196.320.177 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa Công ty X chỉ yêu cầu trả số tiền vốn là 192.212.600 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Công ty X về việc yêu cầu Công ty T trả số tiền mua hàng còn nợ là 192.212.600 đồng thì thấy:

[2.1] Theo Hợp đồng mua bán số 01/HĐNT/2023 ngày 14/10/2023 giữa Công ty X và Công ty T, hai bên thoả thuận Công ty X bán cho Công ty T Huy Hoàng các sản phẩm gồm: xăng, dầu, nhớt. Công ty X1 cho Tòa án bản photo có chứng thực Hợp đồng mua bán số 01/HĐNT/2023 ngày 14/10/2023 và 11 hoá đơn giá trị gia tăng của Công ty X xuất người mua hàng là Công ty T. Tòa án đã thông báo cho Công ty T biết các tài liệu chứng cứ trên nhưng Công ty T không có ý kiến phản đối. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, có cơ sở xác định giữa Công ty X và Công ty T có ký kết Hợp đồng mua bán số 01/HĐNT/2023 ngày 14/10/2023.

[2.2] Về tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán số 01/HĐNT/2023 ngày 14/10/2023 thì thấy: Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thoả thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[2.3] Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty X đã giao hàng cho Công ty T với giá trị là 364.354.283 đồng, Công ty T đã thanh toán được số tiền là 172.141.683 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 192.212.600 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại thì “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*”; Điều 55 Luật Thương mại thì “*Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, ... Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa*” và theo Điều 2, Điều 4 của hợp đồng mua bán số 01/HĐNT/2023 ngày 14/10/2023 hai bên thỏa thuận, Công ty X có trách nhiệm giao hàng theo đúng tiêu chuẩn về quy cách, chất lượng và đúng thời gian yêu cầu của Công ty T. Công ty X cho Công ty T hạn mức công nợ không vượt quá 100.000.000 đồng. Công ty T sẽ thanh toán cho Công ty X khi số tiền vượt mức công nợ trên. Hiện nay công nợ của Công ty T là 192.212.600 đồng, vượt mức so với thỏa thuận trong hợp đồng nhưng Công ty T không thanh toán số tiền vượt mức công nợ cho Công ty X. Do Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty X, nên Công ty X yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 192.212.600 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Do phía Công ty X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24; Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH MTV T Công trình Thơ Huy Hoàng phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV X số tiền mua hàng hóa còn nợ là 192.212.600 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty TNHH MTV X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH MTV T Công trình Thơ Huy Hoàng không trả số tiền trên, thì Công ty TNHH MTV T Công trình Thơ Huy H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH MTV T Công trình Thơ Huy Hoàng phải chịu số tiền 9.610.630 đồng. Trả lại cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.908.004 đồng theo biên lai thu số 0001874 ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên

